

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, phường 25, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

MỤC LỤC

NỘI DUNG	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán riêng	6 - 7
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh riêng	8
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ riêng	9 - 10
Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng	11 - 38

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, phường 25, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành Công ty Cổ phần Hải Minh trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Hải Minh (gọi tắt là "Công ty") hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0302525162 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 24/01/2002, đăng ký thay đổi lần thứ 16 ngày 22/10/2024 về việc thay đổi Tổng Giám đốc.

Tên Công ty bằng tiếng Anh: HAI MINH CORPORATION. Tên Công ty viết tắt: HAMI CORP.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0302525162 thay đổi lần thứ 16 ngày 22/10/2024 là 131.998.470.000 VND (Bằng chữ: Một trăm ba mươi một tỷ, chín trăm chín mươi tám triệu, bốn trăm bảy mươi nghìn đồng chẵn).

Cổ phiếu của Công ty hiện đang niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX). Mã cổ phiếu: HMH.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Tầng 17, tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, phường 25, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong suốt năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ông Trần Quang Tiến	Chủ tịch
Ông Trần Đức Trung	Thành viên
Ông Trần Đoàn Viện	Thành viên
Ông Phùng Tuấn Anh	Thành viên
Ông Vũ Đức Tuấn	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 17/4/2024)
Bà Vũ Thị Thu Việt	Thành viên (Bổ nhiệm từ ngày 17/4/2024)

BAN KIỂM SOÁT

Bà Phạm Thị Thanh Hương	Trưởng ban (Miễn nhiệm từ ngày 17/4/2024)
Ông Khưu Hoàng Nam	Thành viên (Miễn nhiệm từ ngày 17/4/2024)
Ông Đào Thế Hưng	Trưởng ban (Được bầu bổ sung vào Ban Kiểm soát ngày 17/4/2024 và bầu làm Trưởng ban từ ngày 24/4/2024)
Bà Tạ Thu Hường	Thành viên (Bổ nhiệm từ ngày 17/4/2024)
Bà Đặng Thị Bích Ngọc	Thành viên (Bổ nhiệm từ ngày 17/4/2024)

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ông Kwok Michael Wa Tong	Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm từ ngày 14/10/2024)
Ông Đặng Ngọc Hùng	Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm từ ngày 14/10/2024)
Ông Trần Đức Trung	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Đoàn Viện	Phó Tổng Giám đốc

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Theo nhận định của Ban Điều hành, ngoài sự kiện được nêu tại Thuyết minh số 7.1 của Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không, tất cả các sai lệch trọng yếu so với các chuẩn mực này được trình bày và giải thích trong các Báo cáo tài chính riêng;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính riêng để Báo cáo tài chính riêng không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Điều hành xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính riêng.



Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 3 năm 2025

Số: **151** /2025/BCKT-CPA VIETNAM-HCM**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**Kính gửi:**Các Cổ đông****Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc****Công ty Cổ phần Hải Minh**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Hải Minh, được lập ngày 28/3/2025, từ trang 06 đến trang 38, bao gồm Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31/12/2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Ban Điều hành

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về hệ thống kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Điều hành cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 31/12/2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.



Nguyễn Thị Mai Hoa**Phó Tổng Giám đốc****Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2326-2023-137-1****Giấy Ủy quyền số: 08/2025/UQ-CPA VIETNAM ngày 02/01/2025 của Chủ tịch HĐQT****Thay mặt và đại diện****CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM****Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT****Hà Nội, ngày 28 tháng 3 năm 2025**

Lê Thanh Tùng Lâm**Kiểm toán viên****Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 5475-2021-137-1**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2024	01/01/2024
			VND	VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		46.195.957.967	25.363.659.622
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	7.420.121.521	18.483.123.587
1. Tiền	111		6.420.121.521	4.483.123.587
2. Các khoản tương đương tiền	112		1.000.000.000	14.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		38.224.191.922	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121	5.2	38.224.191.922	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		511.135.290	6.769.405.830
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	54.220.444	538.927.122
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	10.196.200	6.256.804.626
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5	446.718.646	429.105.619
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.6	-	(455.431.537)
IV. Hàng tồn kho	140		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		40.509.234	111.130.205
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.7	40.509.234	110.955.381
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	174.824
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+230+240+250+260)	200		185.477.703.853	190.212.770.657
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		3.000.000	8.000.000
1. Phải thu dài hạn khác	216	5.5	3.000.000	8.000.000
II. Tài sản cố định	220		11.886.280.574	12.328.667.527
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.8	11.413.171.567	11.841.575.004
- Nguyên giá	222		17.058.682.675	17.058.682.675
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(5.645.511.108)	(5.217.107.671)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.9	473.109.007	487.092.523
- Nguyên giá	228		601.291.237	601.291.237
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(128.182.230)	(114.198.714)
III. Bất động sản đầu tư	230	5.10	23.355.737.400	23.603.635.918
1. Nguyên giá	231		23.603.635.918	23.603.635.918
2. Giá trị hao mòn lũy kế	232		(247.898.518)	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	5.2	150.035.745.882	154.108.495.100
1. Đầu tư vào công ty con	251		132.051.490.000	132.051.490.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	27.300.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		20.000.000.000	-
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254		(2.015.744.118)	(5.242.994.900)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		196.939.997	163.972.112
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.7	147.360.293	163.972.112
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	5.11	49.579.704	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		231.673.661.820	215.576.430.279

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2024	01/01/2024
			VND	VND
C- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		14.730.579.300	12.728.446.443
I. Nợ ngắn hạn	310		14.730.579.300	12.345.233.403
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.12	921.594.511	3.449.633.747
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		16.500.000	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.13	1.679.247.361	140.870.865
4. Phải trả người lao động	314		756.886.143	691.528.131
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.14	174.942.593	6.364.841.322
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.15	8.429.900.958	1.508.204.325
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.16	2.057.997.845	-
8. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		693.509.889	190.155.013
II. Nợ dài hạn	330		-	383.213.040
1. Phải trả dài hạn khác	337	5.15	-	383.213.040
D- VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		216.943.082.520	202.847.983.836
(400 = 410+430)				
I- Vốn chủ sở hữu	410	5.17	216.943.082.520	202.847.983.836
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		131.998.470.000	131.998.470.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		131.998.470.000	131.998.470.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		5.893.984.271	5.893.984.271
3. Cổ phiếu quỹ	415		(4.394.588.700)	(4.394.588.700)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		6.614.442.869	6.614.442.869
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		76.830.774.080	62.735.675.396
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		62.157.320.520	58.702.699.162
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		14.673.453.560	4.032.976.234
II- Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		231.673.661.820	215.576.430.279
(440 = 300+400)				

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 3 năm 2025

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Chủ tịch Hội đồng Quản trị



Hoàng Thị Hương



Hoàng Thị Hương



Trần Quang Tiến

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2024	Năm 2023
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	13.001.183.073	14.125.733.659
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		13.001.183.073	14.125.733.659
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	7.311.233.071	11.108.461.163
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		5.689.950.002	3.017.272.496
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	11.745.278.914	3.827.385.641
7. Chi phí tài chính	22	6.4	(2.202.549.312)	3.107.119.706
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		21.129.153	556.000.001
8. Chi phí bán hàng	25	6.5	-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.5	3.342.383.101	3.480.033.746
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20+(21-22)-(25+26))	30		16.295.395.127	257.504.685
11. Thu nhập khác	31	6.6	107.365.548	5.973.506.578
12. Chi phí khác	32	6.6	1.578.361	1.635.336.459
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40	6.6	105.787.187	4.338.170.119
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		16.401.182.314	4.595.674.804
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.7	1.777.308.458	562.698.570
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	6.8	(49.579.704)	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		14.673.453.560	4.032.976.234

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 3 năm 2025

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Chủ tịch Hội đồng Quản trị



Hoàng Thị Hương



Hoàng Thị Hương



Trần Quang Tiến

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2024	Năm 2023
			VND	VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		16.401.182.314	4.595.674.804
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư	02		690.285.471	1.432.431.848
- Các khoản dự phòng	03		(3.682.682.319)	1.937.977.021
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		32.679.788	214.438.889
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(8.050.594.546)	(8.074.449.269)
- Chi phí lãi vay	06		21.129.153	556.000.001
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		5.411.999.861	662.073.294
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		6.671.263.581	977.167.286
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		-	61.144.089
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(1.868.786.508)	4.938.595.246
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		87.057.966	(394.008.390)
- Tăng giảm chứng khoán kinh doanh	13		(38.224.191.922)	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(21.129.153)	(572.897.224)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(467.741.814)	-
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(75.000.000)	(1.220.536.109)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(28.486.527.989)	4.451.538.192
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	11.923.321.570
2. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	4.000.000.000
3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(300.000.000)
4. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		7.300.000.000	-
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		8.064.997.286	3.660.966.485
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		15.364.997.286	19.284.288.055

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (Tiếp theo)

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2024	Năm 2023
			VND	VND
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ đi vay	33		2.057.997.845	-
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		-	(11.000.000.000)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(24.505.630)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40		2.057.997.845	(11.024.505.630)
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</i> (50 = 20+30+40)	50		(11.063.532.858)	12.711.320.617
<i>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</i>	60		18.483.123.587	5.771.802.970
<i>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ</i>	61		530.792	-
<i>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</i> (70 = 50+60+61)	70	5.1	7.420.121.521	18.483.123.587

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 3 năm 2025

Người lập biểu



Hoàng Thị Hương

Kế toán trưởng



Hoàng Thị Hương

Chủ tịch Hội đồng Quản trị



Trần Quang Tiến

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ,
Phường 25, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số H 09 - DN

Đan hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Hải Minh hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0302525162 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 24/01/2002, đăng ký thay đổi lần thứ 16 ngày 22/10/2024 về việc thay đổi Tổng Giám đốc.

Tên Công ty bằng tiếng Anh: HAI MINH CORPORATION. Tên Công ty viết tắt: HAMI CORP.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0302525162 thay đổi lần thứ 16 ngày 22/10/2024 là 131.998.470.000 VND (Bằng chữ: Một trăm ba mươi một tỷ, chín trăm chín mươi tám triệu, bốn trăm bảy mươi nghìn đồng chẵn).

Cổ phiếu của Công ty hiện đang được niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX). Mã cổ phiếu: HMIH.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Tầng 17, tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, phường 25, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2024 là 17 người (tại ngày 31/12/2023 là 19 người).

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp bao gồm:

- Sản xuất máy thông dụng khác;
- Sản xuất thân xe có động cơ, rơ moóc và bán rơ moóc;
- Sản xuất khác chưa được phân vào đâu;
- Sửa chữa máy móc, thiết bị;
- Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác);
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí;
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác;
- Đại lý, môi giới, đấu giá;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương;
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy;
- Bốc xếp hàng hóa;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Dịch vụ cho thuê kho bãi;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác. Chi tiết: Cho thuê thiết bị chuyên dùng trong bốc xếp, vận chuyển (không kèm người điều khiển); cho thuê tàu và thiết bị hàng hải;
- Sản xuất, mua bán vật liệu xây dựng, cấu kiện bê tông đúc sẵn, hàng trang trí nội thất (không sản xuất tại trụ sở)/.

Hoạt động chính của Công ty trong năm: Đại lý hãng tàu, các dịch vụ hỗ trợ vận tải, Kinh doanh bất động sản cho thuê.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

1.3 Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31/12/2024, Công ty có các Công ty con như sau:

STT	Tên Công ty	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích
Các Công ty con trực tiếp						
1	Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát	Tầng 3, tòa nhà Hải Minh, Km105, đường bao Nguyễn Bình Khiêm, phường Đông Hải 2, quận Hải An, Tp. Hải Phòng	Dịch vụ kho bãi, vận chuyển hàng hóa	96,79%	96,79%	96,79%
2	Công ty TNHH Tiếp vận Hải Minh (i)	Tầng 3, tòa nhà Hải Minh, Km105, đường bao Nguyễn Bình Khiêm, phường Đông Hải 2, quận Hải An, Tp. Hải Phòng	Dịch vụ kho bãi, vận chuyển hàng hóa	100%	99,92%	99,92%
3	Công ty TNHH Dịch vụ Hàng hải Hải Minh (ii)	Tầng 3, tòa nhà Hải Minh, Km105, đường bao Nguyễn Bình Khiêm, phường Đông Hải 2, quận Hải An, Tp. Hải Phòng	Dịch vụ kho bãi, vận chuyển hàng hóa	100%	99,00%	99,00%

- (i) Tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty tại Công ty TNHH Tiếp vận Hải Minh bao gồm tỷ lệ quyền biểu quyết trực tiếp là 99,92% và tỷ lệ quyền biểu quyết gián tiếp thông qua Công ty con của Công ty, Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát, là 0,08%.
- (ii) Tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty tại Công ty TNHH Dịch vụ Hàng hải Hải Minh bao gồm tỷ lệ quyền biểu quyết trực tiếp là 99% và tỷ lệ quyền biểu quyết gián tiếp tiếp thông qua Công ty con của Công ty, Công ty TNHH Tiếp vận Hải Minh, là 1%.

1.4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

1.5 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính riêng

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 do Bộ Tài chính ban hành, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính riêng là có thể so sánh được.

2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Điều hành Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng này.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính riêng:

Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo là Báo cáo tài chính riêng của Công ty, do vậy, không bao gồm Báo cáo tài chính của các Công ty con. Người sử dụng Báo cáo tài chính riêng nên đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 để có các thông tin hoàn chỉnh về tình hình tài chính hợp nhất cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong năm.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Điều hành phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính riêng cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Đối với các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá áp dụng tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ, chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập và chi phí tài chính trong Báo cáo kết quả kinh doanh riêng.

Đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng

Đối với tiền gửi ngân hàng có gốc ngoại tệ: Đánh giá theo tỷ giá mua ngoại tệ của chính Ngân hàng thương mại cổ phần mà Công ty mở tài khoản tại ngày 31/12/2024.

Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản (Phải thu khách hàng...): Đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng thương mại mà Công ty thường xuyên sử dụng tại ngày 31/12/2024.

Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả (Phải trả khác...): Đánh giá lại theo tỷ giá bán ra của Ngân hàng thương mại mà Công ty thường xuyên sử dụng tại ngày 31/12/2024.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán (Tiếp theo)

Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại được kết chuyển vào tài khoản Chênh lệch tỷ giá - 413, số dư tài khoản này sẽ được kết chuyển vào Doanh thu hoặc chi phí tài chính tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng.

Nguyên tắc ghi nhận tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc trên 3 tháng.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản đầu tư vào Công ty con và đầu tư khác

Các khoản đầu tư vào các Công ty con mà Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc trên Báo cáo tài chính riêng.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các Công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào Công ty con, các khoản đầu tư khác được trình bày trong Bảng cân đối kế toán riêng theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn.

Các khoản đầu tư khác: Được ghi nhận theo phương pháp giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư

Dự phòng giảm giá của các khoản đầu tư vào Công ty con, đầu tư khác được thực hiện khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được đánh giá và xem xét lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và gặp khó khăn trong việc thu hồi, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản, cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	43
Máy móc, thiết bị	5
Phương tiện vận tải, vật truyền dẫn	06 - 15
Thiết bị, dụng cụ quản lý	04
Tài sản cố định khác	10

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong năm.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình của Công ty là quyền sử dụng đất, được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Quyền sử dụng đất là văn phòng của Công ty tại Tòa nhà Pearl Plaza tại địa chỉ 561A Điện Biên Phủ, phường 25, Quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh. Thời hạn sử dụng đất đến năm 2058.

TSCĐ vô hình là Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hiệu lực của giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, trong vòng 43 năm.

Cho thuê hoạt động

Tài sản cho thuê hoạt động được ghi nhận trên Bảng cân đối kế toán theo cách phân loại tài sản của Công ty.

Chi phí trực tiếp ban đầu để tạo ra doanh thu từ nghiệp vụ cho thuê hoạt động được ghi nhận ngay vào chi phí trong năm khi phát sinh/phân bổ dần vào chi phí trong suốt thời hạn cho thuê theo thời hạn của hợp đồng thuê. Doanh thu cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn thuê, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán.

Khấu hao tài sản cho thuê hoạt động được thực hiện trên cơ sở nhất quán với chính sách khấu hao của bên cho thuê áp dụng đối với những tài sản tương tự.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Chi phí sửa chữa tài sản

Các khoản chi phí sửa chữa tài sản lớn được phân bổ dần vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian tối đa 36 tháng.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Chi phí chờ phân bổ đối với hoạt động cho thuê căn hộ

Các chi phí liên quan đến hoạt động cho thuê căn hộ bao gồm chi phí môi giới căn hộ và chi phí thi công lại nội thất căn hộ cho thuê được ghi nhận theo giá gốc. Định kỳ, các chi phí này được phân bổ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ từ 12 đến 24 tháng.

Nguyên tắc kế toán Thuế Thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại là thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được hoàn lại trong tương lai tính trên các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại: Được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán. Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm mà tài sản được thu hồi dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: Gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán là đơn vị độc lập với Công ty hoặc các bên liên quan;
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Công ty ghi nhận chi phí phải trả theo các nội dung chi phí chính sau

- Chi phí dịch vụ khác: Trích trước dựa trên Hợp đồng, báo giá hoặc các chứng từ khác có liên quan khi Công ty thực tế đã nhận được dịch vụ cung cấp nhưng chưa nhận được hóa đơn.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính**

Bao gồm các khoản tiền vay từ ngân hàng thương mại cổ phần.

Công ty theo dõi các khoản vay và nợ thuê tài chính chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá mua và được trình bày như một khoản giảm vốn chủ sở hữu trên Bảng Cân đối kế toán riêng.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu cung cấp dịch vụ liên quan đến vận tải và kho bãi; doanh thu cho thuê hoạt động.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán riêng của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán riêng; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Doanh thu từ tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác:

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn cung cấp dịch vụ và cho thuê hoạt động là tổng chi phí phát sinh của dịch vụ trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (Tiếp theo)

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: Là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong năm tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại: Là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc: ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm; hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước; không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất là 20% trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung. Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỦ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Tiền mặt	8.687.295	21.331.887
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	6.411.434.226	4.461.791.700
Các khoản tương đương tiền (i)	1.000.000.000	14.000.000.000
Tổng	7.420.121.521	18.483.123.587

- (i) Tiền gửi có kỳ hạn từ 01 tháng đến không quá 03 tháng tại các ngân hàng thương mại cổ phần với lãi suất 3,5%/năm, đồng thời, khoản tiền gửi có kỳ hạn này được thế chấp để đảm bảo cho việc cấp tín dụng theo Hợp đồng cấp tín dụng Công ty ký kết với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam - Chi nhánh Gia Định, chi tiết tại Thuyết minh số 5.15.

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ,
Phường 25, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

5.2 Các khoản đầu tư tài chính

a. Chứng khoán kinh doanh

Cổ phiếu	31/12/2024 (VND)			01/01/2024 (VND)		
	Số lượng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Số lượng	Giá gốc
Công ty Cổ phần Cảng dịch vụ Dầu khí Đình Vũ (Mã chứng khoán: PSP) (i)	2.414.600	38.224.191.922	43.630.610.800	-	-	-
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Thái Bình Dương (Mã chứng khoán: PVP) (i)	400.000	26.804.902.132	31.631.260.000	-	-	-
Công ty Cổ phần Lai đất và Vận tải Cảng Hải Phòng (Mã chứng khoán: TUG) (i)	270.294	6.545.340.444	7.080.000.000	-	-	-
Tổng		38.224.191.922	43.630.610.800	-		-

(i) Tại ngày 31/12/2024, giá trị hợp lý của các cổ phiếu này được xác định bằng số lượng cổ phiếu Công ty nắm giữ nhân (x) với giá đóng cửa của cổ phiếu trên thị trường chứng khoán nơi các cổ phiếu này niêm yết hoặc đăng ký giao dịch.

5.2 Các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)

b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Tỷ lệ		31/12/2024 (VND)				01/01/2024 (VND)			
	Vốn năm giữ	Quyền biểu quyết	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng		Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	
Đầu tư vào Công ty con			132.051.490.000		-		132.051.490.000		-	(5.242.994.900)
Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát	96,79%	96,79%	44.510.290.000	(i)	-		44.510.290.000	(i)	-	
Công ty TNHH Tiếp vận Hải Minh	99,92%	99,92%	45.961.200.000	(i)	-		45.961.200.000	(i)	-	(5.242.994.900)
Công ty TNHH Dịch vụ Hàng hải Hải Minh	99,00%	99,00%	41.580.000.000	(i)	-		41.580.000.000	(i)	-	
Đầu tư vào Công ty liên kết										
Công ty Cổ phần Dịch vụ Cảng Hải Minh (ii)				-	(2.015.744.118)		27.300.000.000			-
Đầu tư vào đơn vị khác							27.300.000.000	(i)		-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Cảng Hải Minh (ii)	19,05%	19,05%	20.000.000.000	(i)	(2.015.744.118)		20.000.000.000			-
Tổng			152.051.490.000		(2.015.744.118)		159.351.490.000			(5.242.994.900)

- (i) Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính tại các Công ty không niêm yết tại ngày 31/12/2024 do các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này.
- (ii) Công ty chuyển nhượng 730.000 cổ phần tại Công ty Cổ phần Dịch vụ Cảng Hải Minh theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 03/2024/NQ-HĐQT ngày 27/5/2024. Sau khi chuyển nhượng một phần trong số cổ phần sở hữu, tỷ lệ sở hữu của Công ty tại Công ty Cổ phần Dịch vụ Cảng Hải Minh giảm từ 26% thành 19,05%.
- Các giao dịch và số dư trọng yếu của Công ty và các Công ty con, Công ty liên kết trong năm được trình bày tại Thuyết minh số 7.2.

BÀN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

5.3 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Dịch vụ Kho bãi và Vận tải Thịnh Phát	-	21.224.815
Công ty TNHH Dịch vụ Vận tải Đầu tư Thương mại An Phát	-	137.731.560
Công ty TNHH Thương mại Vận tải Hưng Lộc Thịnh	-	100.000.000
Công ty Cổ phần KD-TM Song Phúc	27.978.712	27.769.736
Công ty TNHH Milensea	-	1.841.641
Công ty TNHH Vitamas	17.136.000	16.173.000
Công ty TNHH Hải Nam	7.584.792	-
Các đối tượng khác	1.520.940	234.186.370
Tổng	54.220.444	538.927.122

5.4 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Công ty Cổ phần Dịch vụ Nhịp cầu Địa ốc	-	6.231.844.558
Các đối tượng khác	10.196.200	24.960.068
Tổng	10.196.200	6.256.804.626

5.5 Phải thu khác

	31/12/2024 (VND)		01/01/2024 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
a) Ngắn hạn	446.718.646	-	429.105.619	(22.710.762)
Phải thu lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.246.575	-	15.649.315	-
Tạm ứng cho nhân viên	-	-	7.700.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Tp. Hồ Chí Minh	175.894.705	-	175.882.193	-
Các khoản khác (i)	269.577.366	-	229.874.111	(22.710.762)
b) Dài hạn	3.000.000	-	8.000.000	-
Ký cược ký quỹ dài hạn	3.000.000	-	8.000.000	-
Tổng	449.718.646	-	437.105.619	(22.710.762)

(i) Phải thu khác chủ yếu bao gồm các khoản phải thu từ việc chỉ hộ cho các khách hàng của Công ty.

5.6 Nợ xấu

31/12/2024 (VND)		01/01/2024 (VND)					
Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng
Các khoản phải thu khách hàng							
Công ty TNHH Dịch vụ Vận tải	-	-	-		432.720.775	-	(432.720.775)
Đầu tư Thương mại An Phát	-	-	-	Từ 1 năm đến 2 năm	137.731.560	-	(137.731.560)
Công ty TNHH Thương mại Vận tải Hưng Lộc Thịnh	-	-	-	Từ 2 năm đến 3 năm	100.000.000	-	(100.000.000)
Các tổ chức khác - phải thu cung cấp dịch vụ	-	-	-	Từ 1 năm đến 2 năm	194.989.215	-	(194.989.215)
Phải thu khác							
Các tổ chức khác - phải thu khoản chi hộ	-	-	-	Từ 1 năm đến 2 năm	22.710.762	-	(22.710.762)
	-	-	-		22.710.762	-	(22.710.762)
Tổng	-	-	-		455.431.537	-	(455.431.537)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

5.7 Chi phí trả trước

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
a) Ngắn hạn	40.509.234	110.955.381
Công cụ, dụng cụ		10.800.000
Chi phí bảo hiểm	6.978.504	11.601.534
Chi phí sửa chữa		21.905.788
Chi phí chờ phân bổ đối với hoạt động cho thuê căn hộ	15.458.331	8.400.000
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	18.072.399	58.248.059
b) Dài hạn	147.360.293	163.972.112
Công cụ, dụng cụ	35.424.662	31.108.421
Chi phí chờ phân bổ đối với hoạt động cho thuê căn hộ	76.205.720	117.276.728
Chi phí trả trước dài hạn khác	35.729.911	15.586.963
Tổng	187.869.527	274.927.493

5.8 Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng
NGUYÊN GIÁ				
Số dư tại ngày 01/01/2024	14.505.410.057	2.380.857.545	172.415.073	17.058.682.675
Tăng trong năm	-	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-	-
Số dư tại ngày 31/12/2024	14.505.410.057	2.380.857.545	172.415.073	17.058.682.675
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Số dư tại ngày 01/01/2024	2.754.903.382	2.289.789.216	172.415.073	5.217.107.671
Tăng trong năm	337.335.108	91.068.329	-	428.403.437
Khấu hao trong năm	337.335.108	91.068.329	-	428.403.437
Giảm trong năm	-	-	-	-
Số dư tại ngày 31/12/2024	3.092.238.490	2.380.857.545	172.415.073	5.645.511.108
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 01/01/2024	11.750.506.675	91.068.329	-	11.841.575.004
Tại ngày 31/12/2024	11.413.171.567	-	-	11.413.171.567

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2024 là 2.553.272.618 VND (tại ngày 01/01/2024: 1.356.324.164 VND).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

5.9 Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

	Quyền sử dụng đất	Tổng
NGUYÊN GIÁ		
Số dư tại ngày 01/01/2024	601.291.237	601.291.237
Tăng trong năm	-	-
Giảm trong năm	-	-
Số dư tại ngày 31/12/2024	601.291.237	601.291.237
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Số dư tại ngày 01/01/2024	114.198.714	114.198.714
Tăng trong năm	13.983.516	13.983.516
Khấu hao trong năm	13.983.516	13.983.516
Giảm trong năm	-	-
Số dư tại ngày 31/12/2024	128.182.230	128.182.230
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày 01/01/2024	487.092.523	487.092.523
Tại ngày 31/12/2024	473.109.007	473.109.007

Quyền sử dụng đất là văn phòng của Công ty tại Tòa nhà Pearl Plaza tại địa chỉ 561A Điện Biên Phủ, phường 25, Quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh. Thời hạn sử dụng đất đến năm 2058.

5.10 Tăng, giảm bất động sản đầu tư

Đơn vị tính: VND

	01/01/2024	Tăng trong năm	Giảm trong năm	31/12/2024
Bất động sản đầu tư cho thuê				
Nguyên giá	23.603.635.918	108.417.173	(108.417.173)	23.603.635.918
Quyền sử dụng đất (i)	2.246.774.686	108.417.173	-	2.355.191.859
Nhà (i)	21.356.861.232	-	(108.417.173)	21.248.444.059
Giá trị hao mòn lũy kế	-	247.898.518	-	247.898.518
Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
Nhà	-	247.898.518	-	247.898.518
Giá trị còn lại	23.603.635.918	(139.481.345)	(108.417.173)	23.355.737.400
Quyền sử dụng đất (i)	2.246.774.686	108.417.173	-	2.355.191.859
Nhà (i)	21.356.861.232	(247.898.518)	(108.417.173)	21.000.545.541

(i) Công ty phân loại lại giá trị quyền sử dụng đất và giá trị nhà theo các Hóa đơn và Hợp đồng chuyển nhượng bất động sản.

Bất động sản đầu tư của Công ty là các căn hộ của Khối căn hộ thuộc cụm công trình cao ốc văn phòng kết hợp thương mại, dịch vụ, căn hộ tại số 152 Điện Biên Phủ, phường 24, quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh được Công ty sử dụng để cho thuê hoạt động.

Doanh thu và giá vốn liên quan đến Bất động sản đầu tư cho thuê trong năm được trình bày tại Thuyết minh số 6.1 và 6.2 với số tiền lần lượt là 895.000.009 VND và 427.347.361 VND

Theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 05 - Bất động sản đầu tư, giá trị hợp lý của Bất động sản đầu tư tại ngày 31/12/2024 cần được trình bày. Tuy nhiên, Công ty không có đủ thông tin để xác định được giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư nêu trên tại ngày lập Bảng cân đối kế toán riêng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

5.11 Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
a) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	49.579.704	-
Tổng tài sản thuế thu nhập hoãn lại	49.579.704	-
<i>Trong đó,</i>		
<i>Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại</i>	<i>20%</i>	<i>20%</i>

5.12 Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2024 (VND)		01/01/2024 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân cảng Sài Gòn	-	-	901.671.825	901.671.825
Samudera Shipping Line Ltd.	-	-	1.195.430.198	1.195.430.198
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh	851.558.400	851.558.400	851.558.400	851.558.400
Phải trả người bán khác	70.036.111	70.036.111	500.973.324	500.973.324
Tổng	921.594.511	921.594.511	3.449.633.747	3.449.633.747

5.13 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Đơn vị tính: VND			
	01/01/2024	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2024
Phải nộp	140.870.865	4.561.143.838	3.022.767.342	1.679.247.361
Thuế giá trị gia tăng	-	239.645.926	185.467.073	54.178.853
Thuế thu nhập doanh nghiệp	64.976.852	1.777.308.458	467.741.814	1.374.543.496
Thuế thu nhập cá nhân	14.610.860	227.060.485	194.998.377	46.672.968
Các khoản thuế nhà thầu nước ngoài	61.283.153	2.314.128.969	2.171.560.078	203.852.044
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	3.000.000	3.000.000	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

5.14 Chi phí phải trả

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Trích trước chi phí mua căn hộ	-	6.231.844.558
Trích trước thù lao Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát	111.000.000	-
Chi phí phải trả ngắn hạn khác	63.942.593	132.996.764
Tổng	174.942.593	6.364.841.322

5.15 Phải trả khác

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
a) Ngắn hạn	8.429.900.958	1.508.204.325
Kinh phí công đoàn	34.810.200	5.391.200
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn (i)	214.000.000	-
Công ty TNHH Tiếp vận Hải Minh - phải trả khoản phúc lợi cho nhân viên	-	44.000.000
Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát - phải trả khoản phúc lợi cho nhân viên	-	111.000.000
Công ty TNHH Dịch vụ Hàng hải Hải Minh - phải trả khoản phúc lợi cho nhân viên	-	34.500.000
Samudera Shipping Line Ltd. - phải trả các khoản thu hộ	5.509.821.497	-
Phải trả ngắn hạn khác	2.671.269.261	1.313.313.125
b) Dài hạn	-	383.213.040
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn (i)	-	383.213.040
Tổng	8.429.900.958	1.891.417.365

Trong đó,

Phải trả cho các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 7.2)

- 189.500.000

(i) Khoản nhận ký cược liên quan đến việc cho thuê văn phòng và cho thuê căn hộ.

5.16 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	31/12/2024 (VND)		Trong năm (VND)		01/01/2024 (VND)	
	Số có khả năng trả nợ					
	Giá trị		Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Các khoản vay ngắn hạn	2.057.997.845	2.057.997.845	2.057.997.845	-	-	-
Vay ngắn hạn	2.057.997.845	2.057.997.845	2.057.997.845	-	-	-
Ngân Hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam - CN Gia Định (i)	2.057.997.845	2.057.997.845	2.057.997.845	-	-	-
Tổng	2.057.997.845	2.057.997.845	2.057.997.845	-	-	-

(i) Hợp đồng cấp tín dụng số PDL20231129632/HDTD ngày 14/7/2023, Phụ lục Hợp đồng số PDL20231129632/HDTD/PL2016445 ngày 28/6/2024, các điều khoản về việc cấp tín dụng cho Công ty như sau:

Hạn mức tín dụng	: 4.100.000.000 VND, trong đó hạn mức cho vay là 2.100.000.000 VND;
Thời hạn sử dụng hạn mức tín dụng	: 12 tháng, kể từ ngày 28/6/2024 đến hết ngày 28/6/2025;
Mục đích cho vay	: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh;
Lãi suất cho vay	: xác định theo từng lần giải ngân;
Biện pháp đảm bảo	: thế chấp tài sản thuộc sở hữu của Công ty, bao gồm số tiết kiệm trị giá 1.000.000.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ,
Phường 25, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

5.17 Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư tại ngày 01/01/2023	131.998.470.000	5.893.984.271	(4.394.588.700)	6.614.442.869	58.996.990.255	199.109.298.695
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	4.032.976.234	4.032.976.234
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	(294.291.093)	(294.291.093)
Số dư tại ngày 31/12/2023	131.998.470.000	5.893.984.271	(4.394.588.700)	6.614.442.869	62.735.675.396	202.847.983.836
Số dư tại ngày 01/01/2024	131.998.470.000	5.893.984.271	(4.394.588.700)	6.614.442.869	62.735.675.396	202.847.983.836
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	14.673.453.560	14.673.453.560
Trích lập các quỹ (i)	-	-	-	-	(578.354.876)	(578.354.876)
Số dư tại ngày 31/12/2024	131.998.470.000	5.893.984.271	(4.394.588.700)	6.614.442.869	76.830.774.080	216.943.082.520

(i) Công ty trích lập các quỹ theo kết quả phân phối lợi nhuận năm 2023 được phê duyệt tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 số 01/2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 17/4/2024, trong đó:

- Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi: 10% lợi nhuận sau thuế năm 2023, tương ứng với 385.569.917 VND;
- Trích lập quỹ khen thưởng hoạt động của hội đồng quản trị: 5% lợi nhuận sau thuế năm 2023, tương ứng với 192.784.959 VND.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

5.17 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tại ngày 31/12/2024			Tại ngày 01/01/2024		
	Số cổ phần	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị cổ phần theo mệnh giá (VND)	Số cổ phần	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị cổ phần theo mệnh giá (VND)
Công ty Cổ phần Cánh Đồng Xanh	1.428.800	10,82%	14.288.000.000	1.428.800	10,82%	14.288.000.000
Ông Trần Quang Tiến	1.388.505	10,52%	13.885.050.000	1.388.505	10,52%	13.885.050.000
Ông Vũ Đức Tuấn	1.000.000	7,58%	10.000.000.000	1.000.000	7,58%	10.000.000.000
Các cổ đông khác	9.382.542	71,08%	93.825.420.000	9.382.542	71,08%	93.825.420.000
Tổng	13.199.847	100,00%	131.998.470.000	13.199.847	100,00%	131.998.470.000

c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và chia lợi nhuận

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại đầu năm	131.998.470.000	131.998.470.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp tại cuối năm	131.998.470.000	131.998.470.000
Cổ tức đã chia	-	-

d. Cổ phiếu

	31/12/2024 Cổ phiếu	01/01/2024 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	13.200.000	13.200.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	13.199.847	13.199.847
Cổ phiếu phổ thông	13.199.847	13.199.847
Số lượng cổ phiếu được mua lại	352.200	352.200
Cổ phiếu phổ thông	352.200	352.200
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	12.847.647	12.847.647
Cổ phiếu phổ thông	12.847.647	12.847.647
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/cổ phiếu)	10.000	10.000

e. Các quỹ của doanh nghiệp

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Quỹ đầu tư phát triển	6.614.442.869	6.614.442.869
Tổng	6.614.442.869	6.614.442.869

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

5.18 Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán riêng

a. Ngoại tệ các loại

	31/12/2024	01/01/2024
Theo giá trị nguyên tệ		
Đô La Mỹ (USD)	826,49	1.284,23
Theo giá trị tương đương VND	20.950.695	31.698.153

b. Nợ khó đòi đã xử lý

	Số nợ đã xóa	
	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Công ty Cổ phần Thami Shipping & Airfreight	17.820.000	-
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ	16.632.000	-
Giao nhận Giang hà		
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Dịch vụ	21.224.815	-
Kho bãi và Vận tải Thịnh Phát		
Công ty TNHH Dịch vụ Vận tải Đầu tư	150.587.322	-
Thương mại An Phát		
Công ty TNHH JD-LINK	17.820.000	-
International Logistics Vietnam		
Công ty TNHH Giao nhận và Thương mại	44.172.000	-
Phía nam		
Công ty TNHH Thực phẩm Minh Quân	11.600.000	-
Công ty TNHH Thủy sản Trọng Nhân	12.904.200	-
Công ty Cổ phần Thủy sản Cửu Long	31.693.800	-
Công ty TNHH MTV Quận Nhuận	10.677.400	-
Công ty TNHH Nhân Châu	18.900.000	-
Công ty Cổ phần Tiếp vận Thiên Tân	1.400.000	-
Công ty TNHH Thương mại Vận tải	100.000.000	-
Hưng Lộc Thịnh		
Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư Thương mại	14.923.636	-
Dịch vụ Xuất nhập khẩu Trần Gia Phát		
Công ty TNHH Giao nhận Biển Xanh	34.000.000	-
Công ty TNHH Kỹ thuật - Thương mại - Dịch vụ Thái	9.180.000	-
Hòa		
Tổng	513.535.173	-

Công ty tiến hành xóa nợ phải thu nêu trên do đã trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi với tỷ lệ 100% số dư nợ phải thu, tuy nhiên, đối tượng nợ không có khả năng thanh toán nợ dù đã có Quyết định thi hành án dân sự của Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, hoặc các đối tượng nợ là nhân viên của Công ty đã nghỉ việc.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ vận tải	-	3.970.782.475
Doanh thu dịch vụ đại lý container	11.244.236.369	7.964.915.292
Doanh thu cho thuê văn phòng (i)	1.756.946.704	2.190.035.892
Tổng	13.001.183.073	14.125.733.659

(i) Trong đó, doanh thu liên quan đến Bất động sản đầu tư cho thuê trong năm là 895.000.009 VND.

6.2 Giá vốn hàng bán

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Giá vốn dịch vụ vận tải	-	4.920.039.930
Giá vốn dịch vụ đại lý container	6.233.820.206	5.414.858.015
Giá vốn cho thuê văn phòng (i)	1.077.412.865	773.563.218
Tổng	7.311.233.071	11.108.461.163

(i) Trong đó, giá vốn liên quan đến Bất động sản đầu tư cho thuê trong năm là 427.347.361 VND.

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	226.477.643	334.335.492
Cổ tức, lợi nhuận được chia	7.824.116.903	3.326.676.993
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	545.462.888	161.658.485
Lãi kinh doanh chứng khoán	3.137.375.371	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	11.846.109	4.714.671
Tổng	11.745.278.914	3.827.385.641

Trong đó,

Doanh thu hoạt động tài chính với các bên liên quan
(Chi tiết tại Thuyết minh số 7.2)

7.824.064.403 3.326.400.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

6.4 Chi phí tài chính

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Chi phí lãi vay	21.129.153	556.000.001
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và đầu tư tài chính	(3.227.250.782)	1.937.977.021
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	218.159.734	398.592.849
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm	32.679.788	214.438.889
Lỗ kinh doanh chứng khoán	752.732.795	-
Chi phí tài chính khác	-	110.946
Tổng	(2.202.549.312)	3.107.119.706
Trong đó, Chi phí tài chính với các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 7.2)	-	556.000.001

6.5 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Chi phí nhân viên quản lý	1.668.467.743	2.368.749.675
Chi phí vật liệu quản lý	22.394.922	47.936.676
Chi phí đồ dùng văn phòng	119.787.858	84.680.332
Chi phí khấu hao TSCĐ	29.570.268	29.570.268
Thuế phí và lệ phí	45.838.166	93.939.559
Chi phí dịch vụ mua ngoài	565.755.947	773.118.319
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	890.568.197	82.038.917
Tổng	3.342.383.101	3.480.033.746

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINHTầng 17, tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ,
Phường 25, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

6.6 Lợi nhuận khác

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Thu nhập khác		
Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	-	4.413.482.784
Nhượng bán quyền mua căn hộ		1.558.903.794
Các khoản khác	107.365.548	1.120.000
Tổng	107.365.548	5.973.506.578
Chi phí khác		
Kết chuyển giá trị dự án không tiếp tục đầu tư	-	194.363.636
Chi phí phát sinh từ thỏa thuận chấm dứt Hợp đồng mua căn hộ	-	1.351.341.641
Các khoản khác	1.578.361	89.631.182
Tổng	1.578.361	1.635.336.459
Lợi nhuận khác	105.787.187	4.338.170.119
Trong đó,		
Thu nhập khác với các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 7.2)	-	1.031.000.000

6.7 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	16.401.182.314	4.595.674.804
Các khoản điều chỉnh tăng	309.476.879	1.544.495.037
Chi phí không được trừ	309.476.879	1.544.495.037
Các khoản điều chỉnh giảm	(7.824.116.903)	(3.326.676.993)
Cổ tức, lợi nhuận được chia	(7.824.116.903)	(3.326.676.993)
Thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	8.886.542.290	2.813.492.848
Thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp	8.886.542.290	2.813.492.848
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phát sinh trong năm	1.777.308.458	562.698.570
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1.777.308.458	562.698.570

6.8 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	(49.579.704)	-
Tổng	(49.579.704)	-

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ,
Phường 25, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

6.9 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	170.604.528	1.315.797.307
Chi phí nhân công	4.796.846.528	4.675.184.456
Chi phí khấu hao tài sản cố định	690.285.471	1.432.431.848
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.660.211.141	2.695.108.626
Chi phí khác bằng tiền	1.335.668.504	444.061.964
Tổng	10.653.616.172	10.562.584.201

7. THÔNG TIN KHÁC**7.1 Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Ngày 02/01/2025, Công ty công bố Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 06/2024/NQ-HĐQT ngày 30/12/2024 thông qua chủ trương thoái vốn tại Công ty Cổ phần Dịch vụ Cảng Hải Minh. Tại ngày lập Báo cáo tài chính riêng, công việc thoái vốn đang được tiến hành.

Ngoài sự kiện nêu trên, không còn sự kiện nào khác, xét trên các khía cạnh trọng yếu, xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính riêng.

7.2 Các cam kết**a. Cam kết cho thuê hoạt động**

Tại ngày 31/12/2024, Công ty cho thuê các bất động sản bao gồm mặt bằng sản văn phòng và các căn hộ chung cư thông qua các hợp đồng cho thuê hoạt động có liên quan. Tổng giá trị các khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động không huỷ ngang mà Công ty dự kiến được nhận theo các thời hạn:

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Từ 01 năm trở xuống	507.481.822	2.658.715.680
Từ 01 năm đến dưới 05 năm	201.818.184	1.757.846.400
Trên 05 năm	-	-
Tổng	709.300.006	4.416.562.080

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

7.3 Thông tin về các bên liên quan

Danh sách các bên liên quan của Công ty như sau:

STT	Bên liên quan	Mối quan hệ
1	Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát	Công ty con
2	Công ty TNHH Tiếp vận Hải Minh	Công ty con
3	Công ty TNHH Dịch vụ Hàng hải Hải Minh	Công ty con
4	Công ty Cổ phần Cảnh đồng Xanh	Nhà đầu tư có ảnh hưởng đáng kể
5	Công ty Cổ phần Đại lý Cảnh Đồng Xanh	Tổ chức liên quan đến thành viên Hội đồng Quản trị
6	Công ty Cổ phần Dịch vụ tổng hợp Cảnh Đồng Xanh	Tổ chức liên quan đến thành viên Hội đồng Quản trị
7	Công ty Cổ phần Dịch vụ Cảng Hải Minh	Công ty liên kết (Đến ngày 01/6/2024) Tổ chức liên quan đến thành viên Hội đồng Quản trị
8	Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc, người quản lý khác và các cá nhân thân cận trong gia đình của các thành viên này	Ảnh hưởng đáng kể

a. Thu nhập Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và người quản lý khác

Các bên liên quan	Tính chất giao dịch	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và người quản lý khác	Thu nhập từ thù lao, lương, thưởng và các khoản thu nhập khác	1.109.287.045	1.012.306.000

Thù lao của từng thành viên Hội đồng Quản trị

Họ và tên	Chức danh	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Ông Trần Quang Tiến	Chủ tịch HĐQT	60.000.000	72.000.000
Ông Trần Đức Trung	Thành viên HĐQT	60.000.000	72.000.000
Ông Trần Đoàn Viện	Thành viên HĐQT	60.000.000	72.000.000
Ông Phùng Tuấn Anh	Thành viên HĐQT	60.000.000	72.000.000
Ông Vũ Đức Tuấn	Thành viên HĐQT (Đến ngày 17/4/2024)	20.000.000	72.000.000
Bà Vũ Thị Thu Việt	Thành viên HĐQT (Từ ngày 17/4/2024)	40.000.000	
Tổng		300.000.000	360.000.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

7.3 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)**Thù lao của từng thành viên Ban Kiểm soát**

Họ và tên	Chức danh	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Bà Phạm Thị Thanh Hương	Trưởng ban (Đến ngày 17/4/2024)	12.000.000	48.000.000
Ông Khuru Hoàng Nam	Thành viên (Đến ngày 17/4/2024)	12.000.000	48.000.000
Ông Triệu Đình Trung	Thành viên	-	-
Ông Đào Thế Hưng	Trưởng ban (Từ ngày 17/4/2024)	24.000.000	-
Bà Tạ Thu Hường	Thành viên (Từ ngày 17/4/2024)	24.000.000	-
Bà Đặng Thị Bích Ngọc	Thành viên (Từ ngày 17/4/2024)	24.000.000	-
Tổng		96.000.000	96.000.000

Thu nhập từ tiền lương của từng thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và người quản lý khác

Họ và tên	Chức danh	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Ông Trần Quang Tiến	Chủ tịch HĐQT	232.800.000	-
Ông Kwok Michael Wa Tong	Tổng Giám đốc (từ ngày 14/10/2024)	58.857.206	-
Ông Đặng Ngọc Hùng	Tổng Giám đốc (đến ngày 14/10/2024)	348.504.839	508.306.000
Ông Trần Đoàn Viện	Phó Tổng Giám đốc	37.125.000	-
Ông Trần Đức Trung	Phó Tổng Giám đốc	-	-
Ông Phan Trọng Long	Người được ủy quyền công bố thông tin	36.000.000	48.000.000
Tổng		713.287.045	556.306.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

7.3 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)

b. Giao dịch với các bên liên quan

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
<u>Giao dịch đi vay</u>				
Công ty Cổ phần Cánh Đồng Xanh	Nhà đầu tư có ảnh hưởng đáng kể	Tiền gốc vay đã trả	-	5.500.000.000
Công ty Cổ phần Đại lý Cánh Đồng Xanh	Tổ chức liên quan đến thành viên Hội đồng Quản trị	Tiền gốc vay đã trả	-	5.500.000.000
<u>Doanh thu hoạt động tài chính</u>			7.824.064.403	3.326.400.000
Công ty TNHH Dịch vụ Hàng hải Hải Minh	Công ty con	Lợi nhuận được chia	7.061.127.667	3.326.400.000
Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát	Công ty con	Lợi nhuận được chia	762.936.736	-
<u>Chi phí tài chính</u>			-	556.000.001
Công ty Cổ phần Cánh Đồng Xanh	Nhà đầu tư có ảnh hưởng đáng kể	Chi phí lãi vay	-	282.333.335
Công ty Cổ phần Đại lý Cánh Đồng Xanh	Tổ chức liên quan đến thành viên Hội đồng Quản trị	Chi phí lãi vay	-	273.666.666
<u>Thu nhập khác</u>			-	1.031.000.000
Công ty TNHH Tiếp vận Hải Minh	Công ty con	Thanh lý tài sản cố định	-	1.031.000.000
<u>Giao dịch khác</u>				
Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát	Công ty con	Chi thưởng và các khoản phúc lợi	30.000.000	506.447.750
Công ty TNHH Tiếp vận Hải Minh	Công ty con	Chi thưởng và các khoản phúc lợi	15.000.000	212.214.547
Công ty TNHH Dịch vụ Hàng hải Hải Minh	Công ty con	Chi thưởng và các khoản phúc lợi	15.000.000	135.074.625
Công ty Cổ phần Cánh Đồng Xanh	Nhà đầu tư có ảnh hưởng đáng kể	Chuyển nhượng một phần khoản đầu tư	3.650.000.000	-
Công ty Cổ phần Đại lý Cánh Đồng Xanh	Tổ chức liên quan đến thành viên Hội đồng Quản trị	Chuyển nhượng một phần khoản đầu tư	3.650.000.000	-

c. Số dư với các bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
<u>Phải trả khác</u>			
Công ty TNHH Tiếp vận Hải Minh	Công ty con	-	189.500.000
Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát	Công ty con	-	44.000.000
Công ty TNHH Dịch vụ Hàng hải Hải Minh	Công ty con	-	111.000.000
Công ty TNHH Dịch vụ Hàng hải Hải Minh	Công ty con	-	34.500.000

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH
Tầng 17, tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ,
Phường 25, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

7.4 Thông tin so sánh

Thông tin so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 3 năm 2025

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

[Signature]

Hoàng Thị Hương

[Signature]

Hoàng Thị Hương



Trần Quang Tiến

C.P. ★ HN/14

1917 ★ NAM